

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

Tên dự án: Dự án sản xuất sợi thép.

Địa điểm thực hiện dự án: Lô 15, KCN Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

** Quy mô đầu tư của Dự án:*

- Tổng diện tích thực hiện dự án 13.211m².
- Loại hình sản xuất kinh doanh: sản xuất sợi thép.

**/ Công suất khai thác*

Cơ sở thực hiện sản xuất, gia công sợi thép các loại với khối lượng khoảng 7.000 tấn/sản phẩm năm (bao gồm các loại sợi thép có đường kính 0,2mm, 0,3mm, 0,4mm, 0,5mm).

Trong đó sản phẩm mạ: 6.500 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Công đoạn 1: Thép nguyên liệu (thép cuộn SWRM6 đường kính 5,5mm) → Máy kéo sợi khô (đường kính 1,6mm) → Máy cuộn sợi thép (tạo cuộn thép dạng lồng) → Lò ủ (dạng nôi) ủ thép sợi đường kính 1,6mm → Cuộn thép đường kính 1,6mm – chuyển sang công đoạn 2.

Công đoạn 2: Cuộn thép có đường kính 1,6mm → Máy kéo sợi ướt (đường kính 0,2 – 0,8mm) → Bể rửa, Lò ủ liên tục (ủ thép trong điều kiện môi trường khí N₂, H₂) → Bể nước muối → Mạ kẽm → Làm khô tự nhiên → Quấn dây, đan lưới, bọc PVC → Đóng gói, lưu kho.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

** Các hạng mục công trình của dự án*

Các công trình xây dựng có quy mô nêu trên được bố trí trên khu đất có tổng diện tích 13.211m² (đã được phê duyệt trong bản vẽ quy hoạch tổng thể) đảm bảo công năng sử dụng; đảm bảo sự liên hệ giữa các công trình.

Cây xanh được bố trí đảm bảo diện tích một cách khoa học, hài hòa, phù hợp gắn kết các công trình kiến trúc với nhau vừa tạo bóng mát cho nhà máy, vừa tạo cảnh quan.

Các công trình phụ trợ được xây dựng đảm bảo tính liên kết với các công trình khác.

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Kết cấu	Ghi chú
1	Văn phòng + nhà máy			
1.1	Tầng 1 bố trí khu vực sản xuất bao gồm các phòng nguyên liệu, thay đồ, khu vệ sinh, nhà bếp và khu xưởng sản xuất	5.138	Chiều cao 6m. Sử dụng kết cấu khung thép tiền chế và hệ thống giằng mái, giằng cột tăng độ ổn định không gian nhà, xà gồ đỡ mái bằng tấm panel. Tường bao che bên ngoài dùng bê tông chung khí áp 600x200x200 và 600x200x150. Hệ thống vách ngăn nhà máy dùng tấm bê tông khí chung áp 600x200x150. Khu nhà vệ sinh xây tường gạch, tường ốp gạch ceramic 300x400, nền lát chống trơn 300x300.	
1.2	Tầng 2: Bố trí văn phòng làm việc, phòng họp xây dựng trên kho vật liệu, khu nhà ăn, nhà bếp	501	Khu văn phòng dùng trần thả thạch cao 600x600, khung xương vĩnh tường. Mái dùng tấm sandwich panel có lớp cách nhiệt. Nền hành lang+văn phòng lát gạch men bóng 600x600. Cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm.	
2	Nhà để xe	114	Sàn bê tông, kết cấu thép ống chế tạo sẵn có xà gồ lợp mái tôn.	Không thay đổi so với ĐTM
3	Nhà bảo vệ	20	Sàn bê tông. Kết cấu bê tông, xây tường gạch, lát nền gạch ceramic. Cửa đi và cửa sổ dùng cửa nhựa lõi thép.	Không thay đổi so với ĐTM
4	Nhà xưởng số 7	1.488	Sàn bê tông, tường làm bằng cách tấm vách panel ghép lại với nhau	Chuyển đổi từ nhà kho số 7
5	Nhà kho	942	Sàn bê tông, tường gạch	
6	Kho chứa: gồm kho chứa rác và kho chứa CTNH	18m	Sàn bê tông được chia thành các ngăn chứa rác thải sản xuất, rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại. Kết cấu bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong.	
7	Trạm bơm và trạm điện	93	Sàn bê tông. Kết cấu bê tông, xây tường gạch, bê tông lán VXM. Cửa đi thép và cửa sổ có tấm chớp thép. Vỉ kèo thép, xà gồ đỡ mái lợp tôn dày 0,45mm.	
8	Phòng khí Amoniac	40	Sàn bê tông, tường gạch, mái tôn, cửa thép	
9	Bể mặt bồn xử lý nhiệt	24	Sàn bê tông, quây lưới thép B40	
10	Bể xử lý nước thải	16		
11	Cây xanh	2.676		
12	Sân đường nội bộ	2.660		

Nhu cầu về lao động và chế độ làm việc

- Số lượng CBCNV của nhà máy khoảng 170 người. Thời gian làm việc khoảng 300 ngày/năm.

- Dây chuyền sản xuất của Công ty hoạt động 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

(Dự án có yếu tố nhạy cảm môi trường) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung Bình quy định tại cột 4 Phụ lục II (mục số II.10 - dự án có công đoạn mạ kim loại quy mô công đoạn mạ 6.500 tấn sản phẩm/năm) nằm tại phường Ái Quốc.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

2.1.1. Vị trí, ranh giới dự án

- Khu vực xây dựng cơ sở có diện tích đất sử dụng là 13.211m²(Căn cứ: Chứng chỉ quy hoạch số 129/CCQH do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp ngày 04/08/2014)

- Ranh giới tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Bắc giáp Công ty TNHH SXDVTM Môi trường xanh;

+ Phía Nam giáp Công ty TNHH LFV Metal (Việt Nam);

+ Phía Đông giáp Công ty TNHH Việt Nam TolyoDenso;

+ Phía Tây cách mép block đường nội bộ KCN (lộ giới 10,25m) 3m.

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Lô 15, Khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

Bảng 1. 2. Bảng kê tọa độ mốc giới

Số TT mốc	Hệ tọa độ VN 2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	2319289.85	590095.30	123,16
2	2319397.29	590155.50	0,26
3	2319397.41	590155.27	34,44
4	2319427.46	590172.09	94,93
5	2319370.37	590247.94	49,26
6	2319330.95	590218.40	107,73
7	2319244.58	590154.01	74,14
1	2319289.85	590095.30	

(Nguồn: Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 1-2014)

*** / Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án**

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT121700, sổ vào sổ cấp GCN: CT 00224, diện tích sử dụng đất 13.211m². Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng. Mục đích sử

dụng: Đất khu công nghiệp. Thời hạn sử dụng: đến ngày 15/02/2052. Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của Công ty CP đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang.

2.1.2. *Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh*

Dự án nhà máy sản xuất sợi thép do Công ty TNHH chế xuất sợi thép Dusco Vina làm chủ đầu tư thực hiện tại KCN Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Mối tương quan của dự án cũng như KCN Nam Sách với các đối tượng tự nhiên – xã hội được xác định như sau:

a. *Đối tượng tự nhiên:*

- Hiện trạng giao thông: Đường trục chính KCN đấu nối với Quốc lộ 37 tại Km0+500, KCN nằm sát cạnh quốc lộ 5, nằm đối diện tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng và ga đường sắt Tiên Trung.

- Hệ thống sông, ao hồ:

Xung quanh dự án 1km không có ao, hồ.

KCN Nằm tiếp giáp với sông Bến Gạch, đây là nơi tiếp nhận nước thải của KCN.KCN cách sông Thái Bình 1,5km và cách sông Rạng 2,2km.

b. *Đối tượng kinh tế- xã hội*

- Khu dân cư:

+ Bên cạnh KCN về phía Đông Bắc có khu dân cư, dịch vụ công nghiệp phường Ái Quốc và trường cao đẳng nghề Hịa Dương

+ Phía Tây Bắc KCN tiếp giáp với khu dân cư thôn Độc Lập

+ Phía Tây Nam KCN tiếp giáp với khu dân cư thôn Vũ La

+ Trong vòng bán kính 500-1000m, khu vực dự án gần khu dân cư thôn Chàng, thôn Hào, thôn Quan Đình, làng Vũ Thượng.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh: Khu vực dự án nằm trong KCN Nam Sách với hơn 20 doanh nghiệp đi vào hoạt động. Ngoài ra, xung quanh khu vực dự án có các cơ sở sản xuất kinh doanh khác

- Các công trình văn hóa, tôn giáo, các di tích lịch sử: Gần khu vực dự án có chùa Sùng Quang và không có công trình di tích lịch sử nào khác.

- Các đối tượng xung quanh khác: Cách UBND phường Ái Quốc khoảng 700m về phía Đông Nam.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. *Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải*

Các loại chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất các loại chất thải
Bụi, khí thải,	- Từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào khu vực dự án. Thành phần: Bụi, CO, SO ₂ , NO _x , VOCs,... - Từ hoạt động sản xuất (mạ, bọc nhựa,...)
Nước thải	- Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên nhà máy Lượng phát sinh: Trung bình khoảng 11,9 m ³ /ngày.

Các loại chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất các loại chất thải
	Thành phần chủ yếu gồm: Các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ (COD, BOD), các chất dinh dưỡng (N,P).
Nước thải sản xuất	Lượng phát sinh: không phát sinh nước thải sản xuất
Chất thải rắn sinh hoạt	Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên nhà máy Lượng phát sinh: Trung bình khoảng 50.970 kg/năm Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, chai lọ đựng thực phẩm,...
Chất thải nguy hại	Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị. Lượng phát sinh: Trung bình khoảng 26.075 kg/năm Thành phần chủ yếu gồm: Pin, ắc quy thải; dầu, mỡ thải; găng tay, giẻ lau dính dầu; hộp đựng dầu, mỡ thải,...

2.2.2. Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành dự án

Các loại chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất các loại chất thải
Tiếng ồn, độ rung	Từ phương tiện giao thông, máy móc thiết bị hoạt động của nhà xưởng sản xuất
Tai nạn lao động, tai nạn giao thông,	Các nguyên nhân có thể dẫn đến tai nạn lao động: không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động, bất cẩn khi vận hành các máy móc thiết bị, tiếp xúc với điện, lửa,... Gia tăng số lượng, mật độ phương tiện giao thông trong Nhà máy
Tác động do các rủi ro và sự cố, an ninh trật tự khu vực, sự cố cháy nổ, chập điện, sự cố hóa chất	Sự cố về các thiết bị điện: dây trần, dây điện, máy móc, thiết bị, điều hòa... bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy, sự cố cháy nổ, chập điện còn xảy ra do sét đánh...

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- Phương án thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải đen (nước xí tiểu) phát sinh từ khu nhà văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D60 xuống bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm (số lượng 3 bể tự hoại 3 ngăn dung tích dung tích 2m³, 5m³ và 10m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống D200, độ dốc 0.3% chảy ra hố ga thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.

+ Nước thải xám (nước thoát sàn, bồn rửa) phát sinh từ khu nhà văn phòng, nhà bảo vệ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D60, độ dốc 0.3%, chảy ra hố ga thu nước

đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.

+ Nước thải nấu ăn tại khu nhà ăn đi quan song chắn rác để loại bỏ rác (rau củ, thực phẩm thừa,...) rồi theo đường ống PVC D110, chảy về bể tách dầu mỡ để xử lý, sau đó theo đường ống PVC D200 chảy ra hố ga thu nước đầu nối với hệ thống thoát nước thải của KCN, chảy về hệ thống XLNT của KCN Nam Sách.

Nước thải phát sinh đảm bảo xử lý sơ bộ theo giá trị C của tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Nam Sách (thông tin chi tiết tại Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải đính kèm phụ lục báo cáo)..

- Phương án thu gom, xử lý nước thải sản xuất:

+ Nước từ hoạt động rửa và làm mát sản phẩm trước khi mạ kẽm

Tại công đoạn trước khi mạ kẽm, dây thép được đưa qua bể rửa và làm mát dung tích $2m^3$ /bể (số lượng 4 bể) có cấu trúc bằng inox). Lượng nước cấp bù cho thất thoát bay hơi khoảng 10% dung tích bể.

Định kỳ 3 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bẩn của bể, nước trong trên bề mặt được giữ lại và tiếp tục sử dụng.

+ Nước từ bể muối

Trước khi mạ sẽ cho dây thép đã định hình chạy qua bể khử muối để làm sạch bề mặt trước khi mạ. Tại đây không phát sinh nước thải, lượng nước cấp bù cho thất thoát bay hơi khoảng 10% dung tích bể.

Định kỳ 4 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến thu gom cặn bẩn của bể, nước trong trên bề mặt được giữ lại và tiếp tục sử dụng.

b. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí (bụi, khí thải)

b1. Hoạt động giao thông vận tải

- Sử dụng phương tiện vận tải đã được kiểm định về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ động cơ của các phương tiện vận tải để phát hiện hỏng hóc và có phương án sửa chữa kịp thời.

Để hạn chế của ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông ra vào nhà máy, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp như sau:

- Phun nước làm ẩm đường giao thông là những ngày hanh khô và bố trí các phương tiện giao thông ra vào nhà máy hợp lý (tần suất 1 lần/ngày);

- Quy định tốc độ xe di chuyển trong khu vực nhà máy: 10km/h;

- Quy định xe chở đúng trọng tải trong định mức của động cơ;

- Trồng cây xanh với diện tích trên 20% so với quy hoạch.

- Thực hiện quan trắc chất lượng không khí định kỳ nhằm kiểm soát quá trình phát thải bụi và khí thải, đồng thời phát hiện và báo cáo cơ quan quản lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

b2. Quy hoạch, thông gió nhà xưởng

- Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, cao ráo, bố trí ô thoáng nhằm lợi dụng gió tươi từ ngoài vào.
- Bố trí 14 quạt hút công nghiệp công suất từ 300-1000m³/h để thông gió nhà xưởng.
- Lắp đặt các điều hòa không khí khu vực văn phòng để điều hòa không khí.
- Nhà xưởng được xây dựng thiết kế theo đúng tiêu chuẩn thiết kế nhà xưởng công nghiệp, nhà xưởng cao 6m, cửa chính rộng 4m, cao 3,5m đảm bảo thông gió tự nhiên, thông thoáng nhà xưởng theo sơ đồ dưới đây:

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ công đoạn mạ, công đoạn bọc nhựa

Trong quá trình hoạt động của bể kẽm nhúng nóng sẽ phát sinh hơi chì, kẽm và khí thải cần xử lý.

- Hệ thống XLKT lắp đặt
 - + 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 1 và 2 công suất 12.000m³/h/hệ thống.
 - + 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 3 và 4 công suất 12.000m³/h/hệ thống.
 - + 01 hệ thống xử lý khí thải của lò mạ số 5 công suất 12.000m³/h/hệ thống.
 - + 01 hệ thống xử lý khí thải của máy bọc nhựa PVC, công suất 12.000m³/h/hệ thống.
- Phương pháp xử lý: Sử dụng phương pháp lọc bụi.
- Sơ đồ công nghệ:
 Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn khí thải → Tháp hấp phụ than → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường

Chất lượng khí thải đầu ra: Theo QCVN 19:2009/BTNMT Cột B với Kp = 1, Kv = 0,8.

c. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Chất thải sinh hoạt:
 - + Thu gom, phân loại từ đầu nguồn và lưu trữ vào từng thùng chứa khác nhau.
 - + Bố trí các thùng rác 50 lít, 100 lít tại khu nhà văn phòng, nhà bếp, hành lang để thu gom rác thải sinh hoạt. Cuối ngày sẽ được nhân viên vệ sinh của Công ty thu gom, lưu trữ về các xe đẩy rác 500 lít có nắp đậy, lưu chứa tại kho chứa rác.
 - + Bố trí 01 kho chứa diện tích 6m² (kích thước LxB= 3,0x2,0m). Kết cấu: Bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong, mái lợp tôn. Vị trí đặt cạnh khu vực nhà để xe.
 - + Ngoài ra, bùn thải nạo vét từ hố ga, bể tách dầu mỡ, bể tự hoại được định kỳ nạo vét, thu gom và vận chuyển theo đúng quy định.
- Rác thải công nghiệp thông thường
 - + Thu gom vào các thùng chứa dung tích 200 lít lưu chứa tại các nhà xưởng.
 - + Bố trí công nhân làm công tác vệ sinh thu gom vận chuyển về kho chứa CTR diện tích 6m² (kích thước LxB=3,0x2,0m), vị trí đặt cạnh nhà để xe. Kết cấu: bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong, mái lợp tôn.
 - + Đối với bùn thải từ hệ thống thoát nước được thuê đơn vị có chức năng nạo vét định kỳ 3-6 tháng/lần
- Rác thải nguy hại:
 - + Phân loại chất thải nguy hại tại nguồn: Trang bị 12 thùng chứa bằng nhựa dung tích 200 lít/thùng bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo.

+ Bố trí khu vực lưu chứa CTNH diện tích $6m^2$ (kích thước $L \times B = 3,0 \times 2,0m$), đặt cạnh khu vực nhà để xe. Kết cấu: bê tông, tường xây gạch, lán nền bên trong, mái lợp tôn. Xây dựng gờ chắn chống tràn, bên ngoài cửa mỗi khu vực được dán các biển dấu hiệu chất thải nguy hại; bố trí thiết bị PCCC (bao gồm: bình PCCC, cát, xẻng).

2.3.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp dưới nhà xưởng gồm: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Lắp đặt các đệm chống ồn được lắp đặt tại chân các thiết bị, máy móc và lò xo giảm sóc cho các máy móc có độ ồn lớn.

- Trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm thiểu tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.

- Lắp đặt các hệ thống thông gió, điều hòa, quạt cục bộ để đảm bảo nhiệt độ phù hợp tại khu vực làm việc.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của Dự án: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung..

b. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, quần áo, găng tay chống hóa chất và thiết bị chuyên dụng cho công nhân thực hiện các thao tác khắc phục sự cố.

- Dừng nguồn gây tràn như dừng lại can, thùng, lọ bị đổ, chuyển hóa chất còn lại từ can, lọ bị hư hỏng sang can, thùng, lọ mới...

- Sử dụng giẻ lau để thu gom hóa chất tràn ra ngoài nếu xảy ra sự cố. Giẻ lau được thu gom và quản lý cùng chất thải nguy hại của Nhà máy.

- Tập huấn, phổ biến các biện pháp ứng phó nếu xảy ra sự cố cháy cho công nhân, sử dụng các bình chữa cháy cầm tay để kịp thời xử lý nếu xảy ra cháy tại khu vực.

- Báo cáo chính quyền địa phương để phối hợp ứng phó khi sự cố xảy ra ở quy mô lớn và có khả năng lan rộng.

- Đối với lượng hóa chất rò rỉ nhỏ tại xưởng sản xuất, chủ cơ sở cho dừng ngay hoạt động của khu vực sản xuất đó, khắc phục ngay sự cố tránh ảnh hưởng đến khu vực sản xuất lân cận.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Theo quy định tại điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ, tự động, liên tục nước thải và khí thải.

3. Cam kết của chủ dự án:

Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc việc đầu tư xây dựng các công trình BVMT, các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã đề xuất.

Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Cam kết thực hiện nghĩa vụ đảm bảo kinh tế - xã hội, hỗ trợ hạ tầng, sinh kế của người dân địa phương.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ



TRƯỞNG PHÒNG SẢN XUẤT

LEE SUNG WOO